

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ CÚ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2018
Về tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Hoài Ân
2. Bà Trần Thị Tím

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Chế Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:
Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú xét xử công khai vụ án thụ lý số 451/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Sơn Thị Sa R, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: ấp S, xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Kim H, sinh năm 1979 (vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. *Con chung:* Cháu Kim Sơn Thị L, sinh ngày 13/01/2008 (có mặt)

Cùng địa chỉ với chị Sơn Thị Sa R: ấp S, xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Sơn Thị Sa R trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: năm 2007 chị và anh H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung, anh H không phụ lo kinh tế gia đình, không biết phụ lo cho con, nên xảy ra mâu thuẫn và hai người không còn ở chung từ khoảng năm 2011 đến nay. Trước khi chị nộp đơn ly hôn, chị có điện thoại nói anh H biết, nhưng anh H nói

chị muốn nộp đơn thì cứ nộp, muốn làm gì thì cứ làm, anh không quan tâm và nói sẽ không ký đơn ly hôn, mấy lần Tòa án thông báo mời chị cũng có điện thoại nói anh H biết và anh H vẫn nói là không đến Tòa án, dịp tết Nguyên đán vừa rồi anh H có đến thăm con tại ấp S, xã H, huyện N được 01 lần, nhưng hai người không có nói chuyện để vợ chồng hàn gắn về sống chung, đến nay thì chị và anh H không sống chung đã nhiều năm, không còn thương yêu nhau nữa, nên chị giữ yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 01 con chung tên Kim Sơn Thị L, sinh ngày 13/01/2008 hiện sống cùng chị tại ấp S, xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh và chị có khả năng lo cho con tốt, nên chị yêu cầu nuôi con tiếp sau khi ly hôn và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung thì chị xác nhận không có, nên không có yêu cầu.

Bị đơn anh Kim H vắng mặt nên không có lời khai.

Cháu Kim Sơn Thị L trình bày nguyện vọng yêu cầu được ở với chị Sa R sau khi chị Sa R và anh H ly hôn với nhau.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành việc có mặt theo thông báo, theo giấy triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Anh H và chị Sa R kết hôn với nhau và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H. Do xảy ra mâu thuẫn nên từ khoảng năm 2011 hai người không còn sống chung với nhau, có 01 con chung là Kim Sơn Thị L, không có tài sản chung và nợ chung. Với yêu cầu của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm cho thấy: hôn nhân của chị Sa R với anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng từ năm 2011 đến nay 02 người ly thân và không ai tạo điều kiện hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Con chung Kim Sơn Thị L thì có nguyện vọng ở với chị Sa R. Nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Sa R.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Xét về việc thụ lý và quá trình giải quyết của Tòa án, vụ án được thụ lý và giải quyết đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện tại Điều 191, quan hệ pháp luật tranh chấp tại Điều 28, thẩm quyền giải quyết tại Điều 35 và Điều 39, xác định tư cách đương sự tại Điều 68, xác minh thu thập chứng cứ tại Điều 97, thời hạn chuẩn bị xét xử tại Điều 203.

[2] Xét về sự vắng mặt của bị đơn, trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo về việc thụ lý vụ án, về kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, ngày 08 tháng 01 năm 2018, có thông báo về kết quả phiên họp và có triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 05/3/2018 và ngày 21/3/2018. Việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng được thực hiện qua thủ tục niêm yết theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự do anh H thường đi làm vắng nhà mà không rõ thời điểm trở về, người nhà không chịu nhận thay và có lần anh H cũng có mặt tại nhà, nhưng không chịu nhận văn bản tố tụng. Anh H cũng không đến Tòa án và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Sa R về hôn nhân, hôn nhân của chị Sa R với anh H là hợp pháp, thể hiện qua giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 01/2007 ngày 26/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh và thực tế hai người không còn ở chung với nhau từ năm 2011 do xảy ra mâu thuẫn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Sa R với anh H đã trầm trọng, không thể trở về tiếp tục sống chung, bởi theo chị Sa R khai là cả hai người không còn quan tâm, chăm sóc thương yêu lẫn nhau, từ ngày chị yêu cầu ly hôn, anh H có biết mà không phản đối, không yêu cầu đoàn tụ và còn nói mặc cho chị Sa R muốn làm gì thì làm, nên chị kiên quyết giữ yêu cầu được ly hôn với anh H. Từ đó căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Sa R.

[4] Về con chung: Chị Sa R khai xác nhận chị với anh H có 01 con chung là cháu Kim Sơn Thị L. Cháu L đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng yêu cầu được ở với chị Sa R, chị Sa R cũng yêu cầu được quyền nuôi con, anh H thì không có văn bản phản đối. Do đó có cơ sở giao cháu L cho chị Sa R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tòa án có giải thích cho đương sự biết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Sa R không yêu cầu, nên không xem xét. Tuy nhiên sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Sa R khai xác nhận không có, anh H cũng không có văn bản phản đối, nên không xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí và được miễn nộp toàn bộ tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

do là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (ấp Sơn, xã H, huyện N, tỉnh Trà Vinh). Đương sự khác không phải chịu án phí sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 97, Điều 147, Điều 177, Điều 191, Điều 203, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Sơn Thị Sa R

1. Về hôn nhân: Cho chị Sơn Thị Sa R được ly hôn với anh Kim H

2. Về con chung: Giao Kim Sơn Thị L cho chị Sơn Thị Sa R trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Đồng thời theo nguyện vọng của Kim Sơn Thị L cũng yêu cầu được ở với chị Sa R

Vấn đề cấp dưỡng cho con: Toà án có giải thích cho các đương sự biết về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con của người không trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Sơn Thị Sa R không yêu cầu, nên không xem xét.

Vấn đề thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Sơn Thị Sa R được miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga